TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Nguyễn Thị TH.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trương Văn B, sinh năm 1997; số căn cước công dân: 072097003776, cấp ngày 03-12-2025, nơi cấp: Bộ Công an; cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: chị Thái Thị Mỹ T, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 072189002444, cấp ngày 30-5-2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; cư trú tại: Ấp 2, xã T, tỉnh Tây Ninh; hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn B trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Thái Thị Mỹ T chung sống với nhau năm 2022, đến năm 2023 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh), giấy chứng nhận kết hôn số 17/2023 ngày 08 tháng 3 năm 2023, hôn nH tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến

tháng 3 năm 2023 sau khi đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và chị T bỏ nhà đi cho đến nay không quay về thăm con, qua tìm hiểu anh biết được chị T nghiện ma tuý và thuê trọ sống tại ấp 2, xã Tân Biên, tỉnh T Ninh. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị T và không thể tiếp tục chung sống với chị T, nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: anh và chị T có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 01-12-2022, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 21-4-2026 bị đơn chị Thái Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: chị thống nhất với lời trình bày của anh B về thời gian vợ chồng chung sống, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian chị và anh T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B chửi mắng, đánh chị nên chị bỏ nhà đi từ năm 2023, không quay về nhà lần nào. Sau đó do buồn chuyện gia đình nên chị sử dụng ma tuý và từ tháng 4-2026 đến nay chị bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc theo Quyết định của Tòa án nH dân khu vực 11 – T Ninh trong thời hạn 15 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Tây Ninh. Nay anh B yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung: chị và anh B có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 01-12-2022, hiện đang sống với anh B. Chị đồng ý giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng do chị đang cai nghiện, chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng yêu cầu được quyền thăm nom con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Nguyên đơn anh B và bị đơn chị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn B đối với chị Thái Thị Mỹ T.

+ Về hôn nhân: Anh B được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: giao anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Gia H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2022. Ghi nhận anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh B và chị T không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm: anh B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: anh B và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B, chị T.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh B khởi kiện tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị T, có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị T chung sống với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh), giấy chứng nhận kết hôn số 17/2023 ngày 08-3-2023 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa anh B và chị T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh B thấy rằng, anh B và chị T đều xác định anh chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023 và chị T bỏ nhà đi không chung sống cùng anh B đến nay, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm chăm sóc và yêu thương nhau, hiện tại chị T đang cai nghiện ma tuý theo Quyết định của Toà án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đồng ý ly hôn với anh B, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: anh B và chị T có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2022, đang sống cùng anh B. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu H của anh B thấy rằng, từ khi chị T bỏ nhà đi đến nay thì anh B là người chăm lo cho cháu H, cuộc sống của cháu H đang ổn định và chị T cũng đang cai nghiện ma tuý, đồng thời chị T cũng đồng ý giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng, ghi nhận anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh B và chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" của anh Trương Văn B đối với chị Thái Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trương Văn B được ly hôn với chị Thái Thị Mỹ T.

- Về nuôi con chung: giao anh Trương Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2022. Ghi nhận anh B không yêu cầu chị Thái Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; anh B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài chung: anh Trương Văn B và chị Thái Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trương Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001689 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: anh Trương Văn B và chị Thái Thị Mỹ T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh T Ninh;
- UBND xã T (nay là xã T) (Giấy CNKH số 17/2023, ngày 08-3-2023);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy